TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNTHANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2019
V/v: *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông ***Tạ Hồng Tuấn.***
Các Hội thẩm nhân dân: Ông ***Phùng Văn Tân*** và bà ***Nguyễn Thị Bích Hà***
- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Tuyết Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Linh** - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 72/2019/TB-TA ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ** - Sinh năm 1991
Nơi cư trú: Khu 2, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng B** - Sinh năm 1985
Nơi cư trú: Khu 2, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Chị Đ có mặt, anh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Đ** trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hoàng B tự nguyện kết hôn với nhau ngày 20/3/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng và chung sống hòa thuận cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có những bất đồng trong cuộc sống nhưng nguyên nhân chính là do anh B chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, không quan tâm đến gia đình. Chị và gia đình đã nhiều lần tham gia góp ý, khuyên bảo nhưng anh B không sửa đổi vì vậy làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn được hòa thuận hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần không còn. Nay chị Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng không

thể tiếp tục chung sống cùng nhau được vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng B.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hoàng B có với nhau 01 con chung là Nguyễn Phương N: Sinh ngày 15/11/2013, hiện con chung đang được chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do hiện nay anh B lao động tự do ở Hà Nội, còn chị làm dịch vụ chăm sóc sắc đẹp tại nhà, công việc của chị ổn định, có thời gian chăm sóc con vì vậy chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn và tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh **Nguyễn Hoàng B** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai và trình bày trong giai đoạn hòa giải chuẩn bị xét xử như sau:

- Về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống đúng như chị Nguyễn Thị Đ đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra va chạm mâu thuẫn nhưng không lớn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn vì vậy anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con chung.

- Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng B xác nhận anh và chị Đ có với nhau 01 con chung là Nguyễn Phương N: Sinh ngày 15/11/2013, hiện con chung đang ở với chị Đ. Nếu ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hoàng B là bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần, vì vậy việc xét xử vắng mặt anh B là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Hoàng B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Ngoài ra, theo chị Đ thì anh B còn chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, không quan tâm đến gia đình, về phía anh B không thừa nhận bản thân có chơi bời cờ bạc nhưng cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Đ, anh B cư trú được biết; anh B, chị Đ đã có những mâu thuẫn từ lâu và đã được hòa giải nhưng không kết quả. Qúa trình hòa giải tại Tòa án, anh B không chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị Đ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cho rằng; để có một hôn nhân hạnh phúc và bền vững phải xuất phát từ tình cảm và sự vun đắp của cả hai bên nhưng với anh B, chị Đ thì khi vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, cả hai lại không có những biện pháp tích cực nào để khắc phục hàn gắn mâu thuẫn dẫn đến việc chị Đ phải yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, vì vậy nếu hôn nhân giữa chị Đ và anh B cứ tiếp tục tồn tại sẽ làm cho hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt và còn có thể gây ra những hậu quả không mong muốn. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Hoàng B đều xác nhận có một con chung là Nguyễn Phương N: Sinh ngày 15/11/2013, hiện đang ở với chị Đ. Xét nguyện vọng được nuôi con chung của cả hai bên là hoàn toàn chính đáng, xuất phát từ tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con của mình, nhưng do hiện nay con chung còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ; ngoài ra, xét điều kiện hoàn cảnh thực tế của mỗi bên hiện nay thì anh B đang lao động tự do tại Hà Nội, còn chị Đ có công việc ổn định tại nhà nên sẽ có thời gian và điều kiện để chăm sóc con hơn. Do vậy, để đảm bảo cho con chung có được sự chăm sóc đầy đủ và phát triển toàn diện nhất nên giao cho chị Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện không yêu cầu và xét thấy chị Đ có đủ các điều kiện cần thiết để nuôi dưỡng con chung vì vậy trong vụ án này không buộc anh B phải thực hiện hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ và các vấn đề khác do chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Hoàng B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung sau ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử**: Cho chị **Nguyễn Thị Đ** được ly hôn anh **Nguyễn Hoàng B.**

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là **Nguyễn Phương N**: Sinh ngày 15/11/2013, (con chung hiện đang ở với chị Đ). Anh Nguyễn Hoàng B không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất ruộng không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Đ đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0001699 ngày 24/6//2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã T;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Tuấn